TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **63**/2018/HNGĐ- ST
Ngày : 29-11-2018
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Nguyễn Thị Tài**
2. Ông **Phạm Đức Minh**

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa- Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 181/2018/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị Thanh N**, sinh năm 1981
Địa chỉ: Thôn 8, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quốc K,** sinh năm 1984
Địa chỉ: Thôn 8, xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị N có mặt, anh K vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Quốc K chung sống với nhau từ đầu năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 27/3/2008. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008, sau khi kết hôn thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Lý do vợ chồng không cùng quan điểm sống, anh K thường xuyên gây áp lực về tinh thần cho vợ con, hay ghen

tuông, xúc phạm và đe dọa vợ. Về kinh tế anh K là người quyết định tất cả, chị N không có quyền can thiệp, không được biết về tiền bạc hàng năm vợ chồng làm ra. Tình trạng này kéo dài rất nhiều năm và ngày càng trầm trọng nên vợ chồng không thể hàn gắn được, dẫn tới ly thân từ năm 2016 đến nay phận ai nấy sống không quan tâm chăm sóc nhau. Chị N thuê nhà ở riêng, tự làm nghề kiếm tiền và tự nuôi con. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn niềm tin, tình cảm vợ chồng không còn nên chị N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị N trình bày quá trình chung sống chị và anh K có ba con chung tên là Nguyễn N, sinh ngày 20/12/2007, Nguyễn K, sinh ngày 08/7/2009 và Nguyễn Hải N, sinh ngày 11/01/2014. Từ khi ly thân đến nay chị N là người đang trực tiếp nuôi, chăm sóc, lo cho các con ăn học. Nay chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cả ba con chung đến khi các con đủ 18 tuổi. Hiện tại chị N có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N trình bày chị và anh K tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị N trình bày chị và anh K không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 09/8/2018, bị đơn anh Nguyễn Quốc K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị Đặng Thị Thanh N chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng là đúng. Từ ngày vợ chồng kết hôn anh K đã không làm cho gia đình sung túc, vì lo kiếm tiền nên không quan tâm chăm sóc vợ con. Thời gian gần đây do anh K làm ăn thua lỗ dẫn đến nợ nần, suy nghĩ không chu đáo đã có gây sự cãi vã và đánh đập chị N, không làm cho các con có cuộc sống tốt. Nay anh K đồng ý ly hôn để cho vợ con có cuộc sống vui vẻ hạnh phúc hơn.

Về con chung: Anh K cũng thừa nhận anh và chị N có ba con chung là Nguyễn N, sinh ngày 20/12/2007, Nguyễn K, sinh ngày 08/7/2009 và Nguyễn Hải N, sinh năm 11/01/2014. Nay ly hôn anh K đồng ý giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh K không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh K trình anh và chị N không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh K trình bày anh và chị N không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 25/9/2018, ngày 30/10/2018 nhưng không được vì lý do chị N có mặt, có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án, anh K vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, có trình bày bổ sung về tài sản chung chị và anh K không có tài sản chung, bị đơn vắng mặt nên không có thay đổi gì về lời trình bày trước đây tại Tòa án.

Kết thúc phần tranh luận, do Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa nên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N và anh K được ly hôn, về con chung đề nghị giao 03 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] **Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn anh Nguyễn Quốc K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đặng Thị Thanh N và anh Nguyễn Quốc K chung sống với nhau từ năm 2003, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc A, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 27/3/2008. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Khi quan hệ vợ chồng được xác lập, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình.

Tuy vậy vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008, sau khi đăng ký kết hôn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân chị N trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau, anh K thường gây áp lực tinh thần cho chị N và con, ghen tuông, xúc phạm và đe dọa chị N. Về kinh tế gia đình anh K toàn quyền quyết định, chị N không có quyền can thiệp, chia sẻ, tham gia. Do vậy vợ chồng mất niềm tin, không còn chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Chị N đã sống ly thân với anh K từ năm 2016 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau. Anh K trình bày đã không lo cho vợ con có cuộc sống sung túc, do làm ăn thua lỗ phải trả nợ nần nên anh K đã có thái độ đối xử với chị N không đúng, đã có gây sự cãi vã và đánh chị N, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của vợ và con. Nay chị N yêu cầu giải quyết ly hôn, anh K cũng đồng ý ly hôn. Xét hôn nhân đã có mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục kép dài, vợ chồng ly thân đã hơn hai năm, tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng chị N có mặt, ông Kiếm vắng mặt nên không thể hiện thiện

chí muốn đoàn tụ với nhau. Vì vậy căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chị N và anh K được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Xét lời khai của chị N và anh K, căn cứ bản sao giấy khai sinh chị N xuất trình cho Tòa án thì hai người có ba con chung là Nguyễn N, sinh ngày 20/12/2007, Nguyễn K, sinh ngày 08/7/2009 và Nguyễn Hải N, sinh năm 11/01/2014. Xem xét nguyện vọng nuôi con của chị N, thực tế từ năm 2016 đến nay chị N là người đang trực tiếp và có đủ điều kiện nuôi con. Nay anh K cũng đồng ý giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, tại phiên tòa anh K vắng mặt nên không có thay đổi gì về việc giao con. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao ba con chung là Nguyễn N, sinh ngày 20/12/2007, Nguyễn K, sinh ngày 08/7/2009 và Nguyễn Hải N, sinh năm 11/01/2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ và đúng pháp luật. Chị N không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N và anh K trình bày không có tài sản chung nên không có yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: Chị N và anh K thống nhất trình bày không có nợ chung nên không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh N đối với bị đơn anh Nguyễn Quốc K về việc *"Ly hôn"*.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị Thanh N và anh Nguyễn Quốc K được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao ba con chung là Nguyễn N, sinh ngày 20/12/2007, Nguyễn K, sinh ngày 08/7/2009 và Nguyễn Hải N, sinh năm 11/01/2014 cho chị Đặng Thị Thanh N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Quốc K không cấp dưỡng nuôi con chung.

"*Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình*".

[3] Về án phí: Buộc chị Đặng Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp tại biên lai nộp tiền số AA/2015/0005353 ngày 009/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
-UBND xã Lộc A, huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Bích Thủy

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trà Hà **Phan Thị** **Dư Thành Trung**